

BẢNG ĐIỂM CÁC LỚP HỌC LẠI RIÊNG HỌC KỲ 2 NĂM 2019-2020

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Tên học phần	Mã HP	Số ĐVHT	TS	Điểm KT	Điểm Thi L1	Điểm Thi L2	TB	Ghi chú
1	211601029	Nguyễn Đức Bảo Tuấn	CCTO16	Bồi dưỡng học sinh giỏi toán Chuyên đề Đại Số	TOC132	3	30%	7.3	6.5		7.0	
2	211701014	Nguyễn Thị Bích Thào	CCTO17	Phương pháp dạy học môn Tin học	TOCB11434	3	40%	8.0	8.0		8.0	
3	211701015	Kpuih Thuận	CCTO17					7.5	8.5		8.1	
4	211701004	Đinh Đốt	CCTO17					6.8	7.0		6.9	
5	211718234	Nguyễn Thị Lệ Thúy	CCMN172	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 1	LCCB00121	2	30%	7.3	7.0		7.1	
6	211718318	Trần Duy Hồng Nghi	CCMN173					7.0	7.0		7.0	
7	211717227	Nay H' Ne	CCTH172					7.0	7.5		7.4	
8	211717111	Nguyễn Thị Hường	CCTH171	Phương pháp dạy Thủ công kĩ thuật	THCB11414	1	30%	7.3	9.0		8.5	
9	211717101	Adum	CCTH171					7.8	9.5		9.0	
10	211717102	Alan	CCTH171					7.5	8.5		8.2	
11	211717103	Rơ Châm Bích	CCTH171					7.5	9.5		8.9	
12	211717107	Puih Hận	CCTH171					7.5	8.0		7.9	
13	211717109	Nguyễn Mai Thu Hiền	CCTH171					7.5	7		7.2	
14	211717110	Phan Thị Linh Huệ	CCTH171					7.5	8		7.9	
15	211717119	Puih Loi	CCTH171					7.3	7.5		7.4	
16	211717123	R'com Mơ	CCTH171					7.0	7		7.0	
17	211717131	Siu H' Nhuin	CCTH171					7.3	9		8.5	
18	211717203	Rơ Lan H'Byĩa	CCTH172					7.3	9.5		8.8	
19	211717206	Siu Đương	CCTH172					7.0	7.5		7.4	
20	211717207	Rơ Lan H' Giáo	CCTH172					7.3	9		8.5	
21	211717213	Ksor Hruin	CCTH172					7.3	8		7.8	
22	211717220	Siu - H' Lũu	CCTH172					7.0	9		8.4	
23	211717221	Ksor H'Lum	CCTH172					7.3	9		8.5	
24	211717225	Mong	CCTH172					6.5	9.5		8.6	
25	211717227	Nay H'Ne	CCTH172					6.5	8.5		7.9	
26	211717239	Rmah Toàn	CCTH172					7.3	8		7.8	
27	211717242	Nguyễn Thị Ngọc Vi	CCTH172					6.3	8.5		7.8	

TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Tên học phần	Mã HP	Số ĐVHT	TS	Điểm KT	Điểm Thi L1	Điểm Thi L2	TB	Ghi chú
28	211718222	Rơ Lan	Pể	CCMN172	Vệ sinh dinh dưỡng	MNCB20825	2	30%	9.3	8.0		8.4	
29	211418222	Ksor	H' Kiêu	CCMN152	CNTT và ứng dụng CNTT trong GDMN	CTC010	4	40%	9.2	9.0		9.0	
30	211418222	Ksor	H' Kiêu	CCMN152	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	SHC011	3	30%	9.3	9.5		9.0	
31	211418222	Ksor	H' Kiêu	CCMN152	Tổ chức hoạt động âm nhạc	MNC105	3	30%	7.2	8.0		8.0	
32	211418222	Ksor	H' Kiêu	CCMN152	Phương pháp làm quen với văn học	MNC107	3	30%	7.3	9.0		8.0	
33	211418222	Ksor	H' Kiêu	CCMN152	Phương pháp làm quen với toán	MNC108	3	30%	7.7	8.0		8.0	
34	211418222	Ksor	H' Kiêu	CCMN152	Giáo dục pháp luật	LCC005	2	30%	7.8	5.0		6.0	
35	211818133	Trần Thị Yên	Nhi	CCMN181	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	MNCB11611	1	30%	7.0	8.0		7.7	
36	211701003	Bùi Thị	Đoan	CCTO17	Tiếng Anh 3	TACB00333	3	40%	8.0	8.0		8.0	
37	211701009	Ksor H'	Ngân	CCTO17					8.0	7.8		7.9	
38	211716012	Nguyễn Thị Minh	Kiều	CCSA17	Ngữ pháp 1	TACB13322	2	30%	7.5	8.5		8.2	
39	211701003	Bùi Thị	Đoan	CCTO17	Những nguyên lý cơ bản của CN Mac LêNin 2	LCCB00232	3	40%	7.8	7.5		7.6	
40	211701010	Trần Duy	Phúc	CCTO17					8.3	7.0		7.5	
41	211701012	Siu	Thanh	CCTO17					7.5	7.0		7.2	
42	211701014	Nguyễn Thị Bích	Thảo	CCTO17					8.5	6.5		7.3	
43	211701015	Kpuih	Thuận	CCTO17					8.0	7.5		7.7	
44	211701018	Đào Ngọc	Trí	CCTO17					8.0	7.0		7.4	
45	211617138	Rah Lan	H'Nhong	CCTH171	Chuyên đề Tiếng Việt 2	THC120	2	30%	7.5	9.0		9.0	
46	211617139	Rah Lan	H'Nhong	CCTH171	Mỹ thuật 4: TTMT & Phương pháp dạy học Mĩ Thuật	MTC040	3	30%	5.2	5.0		5.0	
47	211617141	Rah Lan	H'Nhong	CCTH171	Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục ngoài lớp	TGC107	2	30%	8.0	9.5		9.0	
48	211617141	Rah Lan	H'Nhong	CCTH171	Lý luận & Phương pháp dạy học Thể dục ở Tiểu học	TCC201	3	30%	5.5	8.0		7.0	
49	311718103		Anglen	TCTM171	Giáo dục pháp luật	LCT003	2	40%	8.3	7.5		7.8	

TT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Tên học phần	Mã HP	Số ĐVHT	TS	Điểm KT	Điểm Thi L1	Điểm Thi L2	TB	Ghi chú
50	211403013	Siu	Nam	CCHH14	Quản lý HCNN và QL ngành	QLC001	2	30%	7.3	7.5		7.0	
51	211403013	Siu	Nam	CCHH14	Phương trình vi phân	TOC010	3	30%	7.5	6.0		6.0	
52	211717236	Rmah	H' Thiêu	CCTH172	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LCCB00323	2	30%	8.0	6.0		6.6	
53	211717236	Rmah	H' Thiêu	CCTH172	Phương pháp dạy học tự nhiên xã hội 1	THCB11431	1	30%	7.0	8.0		7.7	
54	211707011	Đinh Rơ Mah	H'Duyên	CCNV17	Phương pháp GDCD	LCCB10635	3	40%	7.3	9.0		8.3	
55	211707028	Rcom	Santa	CCNV17					7.3	9.0		8.3	
56	211707011	Đinh Rơ Mah	H'Duyên	CCNV17	Văn học hiện đại 1	NVCB12024	2	30%	7.7	6.0		6.5	
57	211707025	Ksor	Nhung	CCNV17				7.7	6.5		6.9		
58	211707028	Rcom	Santa	CCNV17				7.5	6.0		6.5		
59	211707030	Rơ Châm	Theng	CCNV17				7.0	6.0		6.3		
60	211707036	Rah Lan	Yon	CCNV17				7.3	5.5		6.0		
61	211707011	Đinh Rơ Mah	H'Duyên	CCNV17	Ngữ Dụng	NVCB11314	1	30%	7.0	7.5		7.4	
62	211707025	Ksor	Nhung	CCNV17				8.0	7.0		7.3		
63	211707028	Rcom	Santa	CCNV17				7.3	6.0		6.4		
64	211707030	Rơ Châm	Theng	CCNV17				7.3	7.5		7.4		
65	211707036	Rah Lan	Yon	CCNV17				7.7	6.5		6.9		
66	211601029	Nguyễn Đức Bảo	Tuấn	CCTO16	Bóng ném	TCC004	1	100%	7.0			7.0	
67	211716008	Rmah H'	Liên	CCSA17	Cầu lông	TCCT00212	1	100%	6.0			6.0	
68	211716020	Ksor H'	Nghiêm	CCSA17				4.5			4.5		
69	211716035	R Châm H'	Uy	CCSA17				8.0			8.0		
70	211716026	Nguyễn Thị Thanh	Phuong	CCSA17				4.3			4.3		
71	211717101		Adum	CCTH171				6.5			6.5		
72	211717110	Phan Thị Linh	Huệ	CCTH171				7.5			7.5		
73	211717113	Siu H'	Lành	CCTH171				7.0			7.0		
74	211717136	Đàm Thị	Tâm	CCTH171				7.0			7.0		
75	211717145	Rơ Mah	Tinh	CCTH171				5.0			5.0		
76	211717217	Ksor H'	Jung	CCTH172				4.5			4.5		
77	211717222	Rmah H'	Lung	CCTH172				4.3			4.3		
78	211717229	Trần Thị	Oanh	CCTH172				7.0			7.0		
79	211717246	Rơ Châm	Yuyên	CCTH172				7.5			7.5		
80	211701009	Ksor H'	Ngân	CCTO17				8.0			8.0		
81	211717235	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	CCTH172	Bóng Chuyền		1	100%	4.5			4.5	
82	211717111	Nguyễn Thị	Hường	CCTH171	Chạy ngắn, nhảy dây		1	100%	8.0			8.0	

TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Tên học phần	Mã HP	Số ĐVT	TS	Điểm KT	Điểm Thi L1	Điểm Thi L2	TB	Ghi chú
83	211818133	Trần Thị Yến Nhi	CCMN181	Đồ chơi	MNCB10011	1	100%	9.0			9.0	
84	211818133	Trần Thị Yến Nhi	CCMN181	Mỹ thuật	MNCB11811	1	100%	9.0			9.0	

Danh sách trên gồm có 84 sinh viên

Phòng Đào Tạo

Người lập

ThS. Ngô Võ Thạnh

Nguyễn Thanh Hương